

NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG HỆ QUẢ CỦA TÌNH TRẠNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM

TS. Nguyễn Trọng Tài
Học viện Ngân hàng

Từ khi hệ thống ngân hàng Việt Nam chuyển đổi mô hình hoạt động theo nguyên tắc thị trường, cạnh tranh trong lĩnh vực hoạt động ngân hàng diễn ra ngày càng quyết liệt. Đó không chỉ là cạnh tranh trong nội bộ các ngân hàng thương mại (NHTM) mà còn là giữa các NHTM với các định chế tài chính phi ngân hàng khác, và có thể thấy khu vực cung cấp dịch vụ ngân hàng ngày càng trở nên chật hẹp cùng với sự ra đời và hoạt động của hàng loạt các định chế tài chính không chỉ trong nước mà còn từ nước ngoài, gắn liền với lộ trình mở cửa và hội nhập trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng của Việt Nam. Điểm đáng chú ý là vấn đề cạnh tranh giữa các định chế tài chính trên thị trường Việt Nam hiện vẫn tập trung chủ yếu vào khu vực ngân hàng truyền thống (huy động vốn và cho vay cũng như một số loại hình dịch vụ thanh toán) và nhiều lúc diễn ra thái quá, bất chấp các qui định của pháp luật, đạo đức kinh doanh. Chính điều này đang tạo ra những tác động nhiều chiều đối với các vấn đề kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung đề cập đến một số hậu quả và nguyên nhân của tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong hệ

thống ngân hàng Việt Nam với mong muốn góp phần nhận dạng, đánh giá và xử lý hiệu quả những hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong trung hạn và dài hạn.

1. Nguyên nhân của tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống ngân hàng Việt Nam

1.1. Nhóm nguyên nhân khách quan

Thứ nhất: Bản chất và đặc điểm kinh tế vốn có của hoạt động ngân hàng trong nền kinh tế thị trường.

Ngay từ khi ra đời, với vị trí, vai trò đặc biệt và tính chất nhạy cảm vốn có, hoạt động ngân hàng luôn gắn liền với trình độ phát triển xã hội không chỉ về phương diện kinh tế, mà còn cả về phương diện văn hoá, đạo đức, dân trí, pháp luật... Những yêu cầu về đạo đức kinh doanh, đạo đức nghề nghiệp, ứng xử, cách thức cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng luôn gắn liền với mặt bằng kinh tế - xã hội. Khi trình độ phát triển chung của xã hội (nhất là về phương diện kinh doanh) tăng lên, những biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng giảm đi và ngược lại. Mặc dù Việt Nam đã có những bước chuyển biến khả quan về kinh tế

- xã hội, song trình độ phát triển còn ở mức rất thấp, nên những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng là tất yếu.

Bên cạnh đó, hoạt động ngân hàng mang tính chất hoạt động cung ứng dịch vụ nên rất khó có thể phân biệt rõ sự khác biệt giữa các tổ chức cung cấp, rất khó đánh giá về sự hợp lý trong “giá cả” do yếu tố cấu thành chi phí khác nhau ở các tổ chức... Chính đặc điểm này của hoạt động ngân hàng đã vô tình tạo những điều kiện khách quan cho việc tồn tại những hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh và gây khó khăn cho việc đánh giá, xử lý trong thực tiễn.

Thứ hai: Hành lang pháp luật chưa đồng bộ và hoàn thiện, tính pháp lý chưa cao, chưa kiên quyết trong thực thi pháp luật.

Việt Nam đã có một số cơ sở pháp lý nhằm hạn chế các hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói chung cũng như trong hoạt động ngân hàng nói riêng, như Luật Cạnh tranh năm 2005 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Tuy nhiên, để những cơ sở pháp lý này có hiệu lực trong thực tế vẫn còn thiếu những văn bản dưới luật hướng dẫn về hàng loạt nội dung:

- Như thế nào là “các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh” trong hoạt động ngân hàng? Phạm trù “đạo đức kinh doanh” nếu không được giải thích và lượng hoá phù hợp trên phương diện pháp luật sẽ không thể áp dụng trong thực tế.

- Trong hoạt động ngân hàng, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định tại Luật Cạnh tranh năm 2005 cần được hiểu và cụ thể hoá bằng các tiêu chí nào? Khi chưa có các tiêu chí sẽ dẫn đến việc nhận biết, đánh giá, xử lý rất khó khăn.

- Trong số những cơ quan đang thực thi chức trách giám sát hoạt động ngân hàng tại Việt Nam, cơ quan nào sẽ chịu trách nhiệm chính trong vấn đề cạnh tranh không lành mạnh?

- Trình tự, thủ tục khởi kiện, xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng cần được thực hiện thế nào?

- Các chế tài xử phạt được thực hiện như thế nào?

V.v ...

Chính hiện trạng này đã cản trở những nỗ lực của các cơ quan quản lý trong việc kiểm soát và chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam luôn tiềm ẩn rủi ro rất cao, nhân tố này vô tình cũng tạo nên những cơ hội để tình trạng cạnh tranh không lành mạnh tồn tại. Cụ thể:

(i) *Vốn tự có thấp so với tổng tài sản Có theo quy định về Tỷ lệ An toàn tối thiểu.* Vốn trong kinh doanh của mỗi tổ chức bao gồm vốn tự có và vốn vay. Không có bất cứ doanh nghiệp nào kinh doanh thuần túy chỉ bằng vốn tự có, điều này xuất phát từ tính chất chu kỳ trong kinh doanh và hiệu quả sử

dụng vốn. Thông thường, với các loại hình doanh nghiệp khác, vốn tự có luôn phải đáp ứng ở mức từ 60-70% so tổng vốn kinh doanh, nhưng với loại hình kinh doanh ngân hàng thì vốn tự có thường chỉ chiếm khoảng 8% so với tổng tài sản được qui đổi theo rủi ro (Qui định về Tỷ lệ An toàn tối thiểu). Nhiều ý kiến cho rằng điều này là không bình đẳng và luôn khiến các NHTM kinh doanh mạo hiểm. Chính sự mạo hiểm này tạo điều kiện cho những quyết định cạnh tranh ngược với thông lệ về đạo đức kinh doanh. Thực tiễn hoạt động kinh doanh của các NHTM ở bất cứ quốc gia nào cũng đều cho thấy thực trạng này. Các NHTM luôn kinh doanh rất mạo hiểm vì mục tiêu lợi nhuận và nếu như không có hệ thống giám sát tài chính hoạt động hiệu quả, nền kinh tế sẽ luôn bị trả giá rất đắt cho hành động kinh doanh mạo hiểm của các NHTM;

(ii) Kinh doanh của các NHTM có phạm vi rộng và liên quan đến hầu hết các tổ chức và cá nhân trong xã hội. Lợi ích nhóm chi phối nhiều quyết định và phương thức hoạt động ngân hàng. Việc đảm bảo lợi ích nhóm trong một số trường hợp có thể xâm phạm các quy định về pháp lý và chuẩn mực kinh doanh. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế tiền tệ, hầu hết các quan hệ trong xã hội đều được đo lường thông qua thước đo tiền tệ và điều này cũng có nghĩa rằng, hầu hết các quan hệ xã hội đều chịu sự chi phối bởi hệ thống ngân hàng. Thực tế cho thấy, nếu hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, lành mạnh và hiệu quả sẽ tác động rất lớn đến tính

chất an toàn và ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô cũng như mức độ hiệu quả trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Ngược lại, nếu hệ thống ngân hàng hoạt động mạo hiểm, vì mục tiêu lợi nhuận mà bất chấp pháp luật, thì cái giá phải trả thường rất lớn. Các nghiên cứu cho thấy, các cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính những năm qua có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chủ yếu vẫn thuộc về hệ thống ngân hàng và khi khủng hoảng bùng phát, hậu quả nặng nề nhất vẫn thuộc về hệ thống ngân hàng;

(iii) Đối tượng kinh doanh của hệ thống ngân hàng là tiền - một loại hàng hóa có tính xã hội hóa rất cao và rất nhạy cảm với các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội, tâm lý,... nhất là với chính sách tiền tệ của các nước phát triển, cho nên, mỗi biến động của các sự kiện trên đều tác động mạnh đến tính chất rủi ro của hệ thống ngân hàng và để giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh, hệ thống ngân hàng luôn cần đến sự hậu thuẫn của hệ thống pháp luật. Trong điều kiện như vậy, nếu như hệ thống luật pháp thiếu đồng bộ và kém hoàn thiện sẽ luôn khiến các NHTM phải đối mặt với nguy cơ rủi ro to lớn. Môi trường kinh doanh nhiều rủi ro cũng được xem là “mảnh đất” thuận lợi cho các hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Đối với hệ thống NHTM Việt Nam, mặc dù Nhà nước đã nhận thức được tầm quan trọng của việc hoàn thiện hàng lang pháp luật cho tất cả các hoạt động kinh doanh nói chung, trong đó đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân

hàng - là mũi nhọn trong tiến trình cải cách của Việt Nam theo hướng thị trường, song thực tế cho thấy, hành lang pháp luật của Việt Nam thực sự chưa hoàn thiện, có rất nhiều bất cập, nhất là pháp luật trong kinh doanh ngân hàng. Đó là sự thiếu nhất quán giữa các loại luật khác với Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD), thiếu sự hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong xử lý các vi phạm liên quan đến kinh doanh ngân hàng. Trong bản thân hệ thống ngân hàng, các văn bản pháp luật cũng chưa đồng bộ và hoàn thiện, một số loại giao dịch trong kinh doanh, nhất là các loại giao dịch tài chính mới, còn thiếu chế tài xử lý hiệu quả. Một số văn bản pháp luật rất hay thay đổi và tính khả thi rất kém do quá trình xây dựng văn bản pháp lý chưa có sự nghiên cứu kỹ lưỡng và do vậy, không phù hợp với thực tiễn và không thể triển khai trong thực tiễn. Hơn nữa, bản thân các NHTM luôn tìm cách “lách luật” nên nhìn chung tính khả thi của hầu hết các loại luật trong việc chế định các hoạt động kinh doanh ngân hàng chưa cao, tình trạng “*nhờn luật*” là khá phổ biến tại Việt Nam những năm qua. Điều này luôn khiến môi trường kinh doanh ngân hàng tiềm ẩn rủi ro quá cao.

Thứ ba: Hệ thống giám sát tài chính còn yếu, hoạt động thụ động, năng lực cảnh báo kém.

Trong điều kiện kinh doanh luôn tiềm ẩn rủi ro cao, nhất là nhiều nhân tố rủi ro đến từ môi trường kinh doanh (trong và ngoài nước) bất ổn như thời gian qua, vấn đề thanh

tra giám sát luôn phải được đặt lên hàng đầu, qua đó giúp cơ quan chức trách tiền tệ “*tuyệt còi*” đúng lúc để ngăn ngừa các nguy cơ đối với nền kinh tế. Hơn nữa, việc áp dụng các biện pháp can thiệp thị trường mang tính chất hành chính yêu cầu thanh tra - giám sát càng cần được coi trọng. Tuy vậy, thực tế những năm qua tại Việt Nam cho thấy một thực tế là công tác thanh tra giám sát còn khá bất cập, có xu hướng chạy theo vấn đề riêng lẻ và nhìn chung vẫn đi sau thực tiễn, kiểm tra các vấn đề bất cập nảy sinh từ thực tiễn hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng, hầu như chưa đưa ra được nhiều các cảnh báo để giúp phát hiện và ngăn chặn kịp thời các nguy cơ rủi ro và giúp toàn hệ thống tránh được những hậu quả xấu, nhất là các hậu quả đến từ bên ngoài, gắn liền với các cuộc khủng hoảng tài chính khu vực và toàn cầu. Những bất cập này do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ chốt ở hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng tại Việt Nam hiện nay rất thiếu minh bạch và kém cập nhật do thực thi chưa tốt pháp lệnh kế toán thống kê. Việc khai thác thông tin kinh tế quốc tế cũng còn rất yếu do đòi hỏi chi phí cao và việc phân tích thông tin đòi hỏi phải có trình độ và năng lực phân tích dự báo tốt mới đáp ứng được đòi hỏi đặt ra. Việc thanh tra giám sát yếu, công tác dự báo thị trường chưa tốt đã khiến cho môi trường hoạt động kinh doanh ngân hàng luôn rất bất ổn, các NHTM có xu hướng kinh doanh mang tính ngắn hạn, rất khó triển khai các chiến lược mang tính chất bài bản. Điều này lại càng làm cho môi trường thêm bất ổn.

Thứ tư: Thị trường tài chính chưa phát triển, các nhu cầu về dịch vụ tài chính trong nền kinh tế tập trung chủ yếu vào hệ thống ngân hàng.

Về nguyên tắc, nhu cầu vốn trong kinh doanh của các tổ chức kinh tế luôn được đặt ra và việc đáp ứng các nhu cầu vốn này phải do nhiều định chế tài chính trên thị trường tài chính đảm nhiệm. Tuy nhiên, tại Việt Nam hiện nay, do thị trường chứng khoán hoạt động rất kém, nên hầu hết các nhu cầu về vốn trong nền kinh tế chủ yếu vẫn do hệ thống NHTM cung cấp. Trong điều kiện năng lực tài chính của hầu hết các NHTM còn khá yếu, để đáp ứng các nhu cầu về vốn cho các hoạt động kinh tế - xã hội ngày càng tăng cao luôn tạo ra các áp lực rất lớn đối với tất cả các NHTM. Bên cạnh các dịch vụ về vốn, rất nhiều nhu cầu về các loại hình dịch vụ ngân hàng khác, nhất là các dịch vụ mới cũng ngày càng tăng lên, đòi hỏi các NHTM phải tìm cách đáp ứng tốt nhất. Một thực tế là, để triển khai các loại hình dịch vụ mới, đòi hỏi các NHTM phải có tiềm lực về vốn lớn, đầu tư tốt về hạ tầng kỹ thuật, tuy nhiên, do năng lực tài chính thấp nên việc triển khai các loại hình dịch vụ này đối với hầu hết các NHTMCP nhỏ là rất khó khăn và việc triển khai trong điều kiện như vậy sẽ tạo ra các rủi ro tiềm ẩn rất cao cho cả ngân hàng lẫn khách hàng. Sự giới hạn về phạm vi, sản phẩm trong cạnh tranh sẽ làm cho tính chất cạnh tranh trên thị trường truyền thống càng khốc liệt và tạo môi trường cho những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.

Thực tế là những năm qua, do nhu cầu vốn tín dụng tăng cao, nên để đáp ứng các nhu cầu này, trong điều kiện khả năng đa dạng hóa nguồn vốn ở hầu hết các NHTM rất kém, đã dẫn tới các cuộc chạy đua nâng lãi suất huy động, gây nhiều bất ổn đối với môi trường tín dụng, đồng thời cũng làm bất ổn môi trường kinh tế vĩ mô, khiến Chính phủ rất khó khăn trong việc ổn định giá cả, kiểm soát lạm phát.

Cũng do thị trường tài chính chưa phát triển, mọi nhu cầu vốn tập trung vào hệ thống ngân hàng, nên rất khó khăn cho các doanh nghiệp tổ chức kinh tế có sự lựa chọn hiệu quả nguồn cung cấp vốn trong hoạt động. Điều này dẫn đến các hệ quả xấu đối với nền kinh tế và rất khó kiểm soát. Thực tế là trong một số giai đoạn, ngân hàng nhà nước (NHNN) đưa ra các biện pháp quyết liệt để kiểm soát lãi suất huy động và cho vay vốn cũng như kiểm soát tỉ giá mua bán trên thị trường ngoại hối, song hầu như các biện pháp đưa ra đều tỏ ra kém khả thi, khó triển khai trong thực tiễn. Các cuộc chạy đua nâng lãi suất huy động và cho vay cũng như tăng chi phí mua bán ngoại tệ vẫn diễn ra một cách rất phổ biến.

Thứ năm: Hạ tầng kỹ thuật công nghệ trong hệ thống ngân hàng Việt Nam nhìn chung còn khá lạc hậu, gây khó khăn cho việc triển khai các loại hình dịch vụ mới.

Kinh doanh ngân hàng là lĩnh vực kinh doanh bậc cao, luôn đòi hỏi hệ thống hạ tầng cơ sở phải ở mức tương xứng mới có thể triển khai hoạt động được, đặc biệt là đối với

các loại hình dịch vụ mới. Theo tính toán và kinh nghiệm của các ngân hàng nước ngoài, công nghệ thông tin có thể làm giảm 76% chi phí hoạt động ngân hàng, nhưng đây là một lĩnh vực đòi hỏi sự đầu tư rất lớn (Ví dụ, để xây dựng hệ thống thông tin quản lý cho một NHTM Nhà nước cần phải chi phí tới 500 - 600 tỷ VNĐ). Nhận thức được vai trò của hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động của hệ thống ngân hàng, nên những năm qua, các NHTM Việt Nam rất chú trọng đầu tư đổi mới kỹ thuật và nhìn chung, hạ tầng kỹ thuật của hệ thống ngân hàng đã được nâng cấp và cải thiện về căn bản. Tuy nhiên, như đã đề cập, do vốn tự có của các NHTM Việt Nam khá thấp, đặc biệt đối với các NHTM cổ phần nhỏ, nên khả năng đầu tư đổi mới công nghệ luôn bị hạn chế. Chính vì thế, hạ tầng kỹ thuật của các NHTM Việt Nam còn nhiều hạn chế. Theo WB, công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam vẫn còn ở mức thấp kém. Chỉ số công nghệ ngân hàng ở Việt Nam mới chỉ là -0,47, trong khi ở Trung Quốc là -0,35, Thái Lan -0,07, Indonesia -0,07, Malaysia 1,08 và của Singapore là 1,95.

Thứ sáu: Mức độ tập trung quá mức các định chế tài chính trên một thị trường tài chính còn kém phát triển và tập trung chủ yếu cung cấp một số loại hình dịch vụ giống nhau.

Về nguyên lý, cạnh tranh luôn là động lực cho sự phát triển và hoàn thiện hoạt động của các tổ chức kinh doanh trong kinh tế thị trường. Đối với lĩnh vực kinh doanh ngân

hàng, điều này lại càng đúng. Tuy nhiên, đặc điểm cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng tại thị trường Việt Nam những năm qua là mức độ tập trung khá đậm đặc các định chế tài chính trên một thị trường còn chưa phát triển và cạnh tranh tập trung chủ yếu vào phân khúc thị trường tín dụng, nên sự cạnh tranh không hẳn dẫn đến nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi phí vốn ở các NHTM, thậm chí còn làm cho thị trường thêm hỗn loạn, rủi ro gia tăng. Xảy ra điều này là do những năm qua, các nhà chức trách đã cấp phép cho thành lập quá nhiều NHTMCP và ngân hàng có yếu tố nước ngoài, trong lúc không chú ý đúng mức đến năng lực tài chính của các NHTM, dẫn đến một số NHTM có năng lực tài chính quá thấp. Theo các tư liệu thống kê cho thấy, đến cuối năm 2010 vẫn có gần 10 NHTMCP không đáp ứng được yêu cầu về mức vốn tối thiểu là 3.000 tỷ VND theo yêu cầu trong Nghị định 141/2006/NĐ-CP. Đa phần các NHTMCP còn lại có mức vốn chủ sở hữu khoảng 3.000 đến dưới 4.000 tỷ VND. Với thực trạng năng lực tài chính như vậy, có thể nói rằng các NHTM Việt Nam rất khó khăn trong việc nâng cấp điều kiện kỹ thuật công nghệ, tức là khó có thể triển khai được các loại hình dịch vụ mới. Điều này giải thích tại sao hầu hết các NHTM tập trung vào việc cung cấp các loại hình dịch vụ truyền thống là huy động vốn, cho vay và thanh toán. Hơn nữa, cũng do hầu hết các NHTM nhỏ chưa có uy tín, thương hiệu cao trong dân cư, nên khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng cả trong huy động lẫn cho vay vốn, nên để cạnh

tranh với các NHTM khác, đặc biệt là với các NHTM Nhà nước, buộc các NHTM nhỏ phải tìm cách tăng lãi suất huy động. Đây là lý do giải thích cho các cuộc chạy đua lãi suất ở các NHTM Việt Nam những năm qua. Về nguyên tắc, cạnh tranh trên thị trường tín dụng phải làm cho chi phí về vốn từng bước giảm xuống, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức tiếp cận vốn từ các NHTM với lãi suất ngày càng hạ. Thế nhưng, thực tế tại Việt Nam những năm qua lại hoàn toàn ngược lại: Sự cạnh tranh quyết liệt trong hệ thống các định chế tài chính lại càng làm gia tăng lãi suất huy động và cho vay, tức là chi phí vốn đang ngày càng tăng lên, môi trường tín dụng càng thêm bất ổn

Thứ bảy: Tác động của hội nhập tài chính - ngân hàng quốc tế.

Hội nhập tài chính quốc tế về nguyên tắc sẽ giúp hệ thống ngân hàng Việt Nam hoạt động ngày càng hoàn thiện và hiệu quả trên cơ sở tiếp thu các kinh nghiệm kinh doanh thương trường cũng như tiếp cận kỹ thuật công nghệ và kỹ năng quản lý kinh doanh ngân hàng hiện đại. Tuy nhiên, mục tiêu trong kinh doanh ngân hàng là lợi nhuận. Mục tiêu này luôn được các NHTM quốc tế hướng tới khi thâm nhập các thị trường tài chính quốc tế và vì lợi nhuận chúng sẽ bất chấp tất cả, kể cả xuyên thủng hàng rào pháp luật. Chính vì thế, nếu như các quốc gia với nền tảng pháp lý còn bất cập mà đã vội vã mở cửa hội nhập, thì cái giá phải trả thường là lớn. Hơn nữa, sự hội nhập tài chính khu vực và toàn cầu sẽ khiến các quốc

gia phải đối mặt với các tác động tiêu cực từ các cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế. Các cuộc khủng hoảng tài chính luôn khiến cho môi trường kinh doanh của hệ thống ngân hàng bất ổn và dễ tự phòng vệ và chiến thắng trong cạnh tranh, các NHTM luôn có xu hướng tìm cách “lách luật”, điều này không chỉ diễn ra tại các nước đang phát triển, mà là vấn đề chung toàn cầu nếu như các chế tài pháp luật không đủ mạnh.

1.2. Nhóm nguyên nhân chủ quan về phía các NHTM

Thứ nhất: Các NHTM Việt Nam khó khăn trong việc triển khai các loại hình dịch vụ mới.

Mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của việc cải thiện năng lực cạnh tranh thông qua việc đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tài chính, song hiện tại hầu hết các NHTM Việt Nam đang có khó khăn trong việc triển khai các dịch vụ mới, do để triển khai các loại hình dịch vụ này luôn đòi hỏi nền tảng kỹ thuật công nghệ hiện đại, trong khi đó, để áp dụng công nghệ hiện đại trong kinh doanh ngân hàng luôn đòi hỏi chi phí lớn, năng lực quản lý cao, nhưng vốn chủ sở hữu của hầu hết các NHTM Việt Nam đều quá nhỏ. Qui định của Nghị định 141/2006/NĐ-CP chỉ yêu cầu mức vốn tự có tối thiểu ở mức 3.000 tỷ VND - tức chỉ chưa đến 150 triệu USD, nhưng một số NHTM chưa đáp ứng được. Theo khảo sát trên website các NHTM Việt Nam, tính đến cuối năm 2010 còn tới 10 NHTM có mức vốn chủ sở hữu dưới 3.000 tỷ VND bao gồm:

Bảng 1: Một số NHTM có mức vốn điều lệ dưới 3.000 tỷ đồng

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Tên ngân hàng	2007	2008	2009	2010
1	NH Nam Việt	579	1.076	1.660	2.022
2	NH Bảo Việt	-	-	1.528	1.563
3	NH Gia đình <i>Trong đó: vốn điều lệ</i>	689 445	1036 1000	1036 1000	2000 1000
4	NH Petrolimex	543	1.026	1.093	2.173
5	NH Đại Á	765	750	1.000	n.a
6	NH Nam Á <i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	667 667	1.289 1289	1.337 1253	2.175 2000
7	NH Phương Đông <i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	1.665 1.111	1.591 1.474	2.331 2.000	3.140 2.635
8	NH Phương Tây <i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	230 200	1.102 200	1.137 1.000	2.085 2.000
9	NH Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh <i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	618 500	1.554 1.018	1.554 1.550	2.004 2.000
10	NH Saigon Công Thương	1.432	1.470	1.581	2.461

Chú thích: n.a = không có số liệu.

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo thường niên các NHTMCP.

Bảng 1 cho thấy NH Gia Định thậm chí mức vốn điều lệ đến 31/12/2010 chỉ là 1.000 tỷ VND, tức chỉ chưa đến 50 triệu USD!

Bên cạnh 10 NHTM trên đây chưa đáp ứng được lộ trình tăng vốn điều lệ của Nghị định 141, rất nhiều NHTM khác có mức vốn chủ sở hữu khá thấp (xem Bảng 2).

Bảng 2: Một số NHTM có mức vốn chủ sở hữu dưới 6.000 tỷ đồng

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Tên ngân hàng	2007	2008	2009	2010
1	Đông Á Bank	1.600	2.880	3.400	4.500
2	Tiền Phong Bank	-	-	1.638	3.120
3	Ocean Bank	1.115	1.078	2.252	4.087
4	NH An Bình	2.300	2.705	3.482	3.831
5	SeABank	3.364	4.117	5.481	5.743
6	NH Liên Việt	-	3.447	3.828	4.106
7	NH Dầu khí toàn cầu	-	1.005	2.074	3.157
8	NH Việt Nam Tín nghĩa	-	600	3.399	3.399
9	NH Phương Nam	1.926	2.383	2.936	3.573
10	NH Kiên Long	582	1.009	1.024	3.225
11	NH Phát triển nhà Hà Nội	3.179	2.993	3.252	3.533
12	NH Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long	1.065	1.119	1.176	3.213

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo thường niên các NHTM.

Bảng 2 cho thấy vẫn còn tới 12 NHTM có mức vốn dưới 6.000 tỷ đồng - tức là dưới 300 triệu USD, trong đó, có tới 10 ngân hàng có mức vốn dưới 4.500 tỷ đồng.

Thực trạng trên đây cho thấy, hầu hết các NHTM Việt Nam chỉ có thể triển khai các loại hình dịch vụ ngân hàng truyền thống là tín dụng và thanh toán trong nước, do năng lực tài chính quá yếu, không cho phép cải thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ. Hơn nữa, hầu hết các NH này đều mới được thành lập và hoạt động trong vòng trên dưới 10 năm trở lại đây, kinh nghiệm cạnh tranh thương trường cũng như uy tín thương hiệu chưa cao, nên rất khó khăn trong việc mở rộng thị trường. Để duy trì và tìm cách mở rộng thị trường trong điều kiện có sự cạnh tranh khá quyết liệt giữa các định chế tài chính kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng hiện nay tại Việt Nam, bắt buộc các NHTM trên phải kinh doanh mạo hiểm, áp dụng các biện pháp cạnh tranh bằng giá - một phương pháp cạnh tranh cổ điển và thiếu lành mạnh, bên cạnh các hình thức cạnh tranh khác để có thể đạt mục tiêu trong kinh doanh.

Thứ hai: Ý thức tuân thủ pháp luật chưa cao ở một số NHTM

Kinh doanh của các NHTM có mức độ rủi ro cao nên rất cần có sự hậu thuẫn của hệ thống pháp luật. Mỗi NHTM đều phải ý thức được điều này và phải tuân thủ pháp luật nghiêm túc. Tuy nhiên, thực trạng tại Việt Nam những năm qua lại hoàn toàn ngược lại:

Hầu hết các NHTM không tuân thủ nghiêm túc luật pháp, kinh doanh quá mạo hiểm, làm cho môi trường kinh doanh luôn trong tình trạng bất ổn. Các NHTM không những không tuân thủ khung lãi suất, tỉ giá do NHNN ban hành, mà luôn tìm cách lách khung qui định. Hầu hết các qui định về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng chung cũng như trong một số lĩnh vực về bất động sản, chứng khoán... không được tuân thủ nghiêm túc. Những bài học đắt giá từ các quốc gia bị đổ vỡ thị trường và hậu quả nặng nề đối với hệ thống ngân hàng cũng không giúp các NHTM Việt Nam tỉnh ngộ. Sự kinh doanh theo kiểu ngắn hạn, thiếu sự thanh tra giám sát hiệu quả của các cơ quan chức trách tiền tệ đã khiến cho việc không tuân thủ pháp luật mang tính phổ biến và hiện tượng “nhờn luật”, “luật treo” đã là tình trạng phổ biến hiện nay tại Việt Nam. Thực trạng này đang khiến cho các NHTM Việt Nam phải đối mặt với các nguy cơ rủi ro to lớn và nền kinh tế Việt Nam luôn trong tình trạng bất ổn bởi rủi ro trong hệ thống ngân hàng luôn tác động trực tiếp tới sự bất ổn về kinh tế và xã hội.

Thứ ba: Chất lượng nguồn nhân lực còn bất cập

Bên cạnh nguyên nhân hạ tầng kỹ thuật không đáp ứng được yêu cầu triển khai các loại hình dịch vụ mới, một nguyên nhân khác không thể không tính tới đó là chất lượng nguồn nhân lực tại hầu hết các NHTM Việt Nam còn khá bất cập.

Bảng 3: Cơ cấu trình độ của hệ thống NH Việt Nam tính đến 31/12/2009*Đơn vị tính: %*

Trình độ	Toàn hệ thống	NHNN	NHTM NN	NHTM CP	NHLD, nước ngoài	Tổ chức khác
Tiến sỹ	0.28	0.67	0.31	0.26	0.11	0.2
Thạc sỹ	3.48	6.3	4.61	2.97	2.9	1.2
Đại học/Cao đẳng	62.59	64.28	62.46	66.83	78.24	73.6
Trung cấp	20.08	8.68	17.83	20.38	0.84	2.1
Sơ cấp và chưa qua đào tạo	13.57	20.07	14.79	9.56	17.91	22.9

Nguồn: Đề tài Khoa Ngân hàng 2009 – 07.

Bảng 3 cho thấy: Nếu tính chung cho toàn hệ thống NH Việt Nam đến cuối năm 2009 thì vẫn có tới trên 33% lực lượng lao động đào tạo ở mức thấp và chưa qua đào tạo. Đối với lực lượng đào tạo từ đại học/cao đẳng trở lên có tới gần 63% mới qua đào tạo bậc đại học/cao đẳng. Số lượng cán bộ được đào tạo trên đại học quá thấp. Trong đó, đặc biệt đối với khối NHTMCP, chỉ khoảng 3% được đào tạo trên đại học

Bảng 4: Cơ cấu lao động ở một số NH các nước năm 2004 (%)

	Các nước phát triển			Các nước đang phát triển		
	Anh	Nhật	CHLB Đức	Malaysia	Thailand	Việt Nam
% ĐH và trên ĐH trong tổng số lao động	78	75	77	62	65	66.35

Nguồn: Đề tài khảo sát nguồn nhân lực NH ở Việt Nam, Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia.

Bảng 4 đưa ra các tư liệu so sánh và cho thấy chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống ngân hàng Việt Nam năm 2009 chỉ tương đương các nước trong khu vực của năm 2004 và kém khá xa so với chất lượng nguồn nhân lực các NHTM các nước phát triển.

Đi sâu xem xét cơ cấu đào tạo thấy rằng, số cán bộ được đào tạo theo đúng chuyên ngành tài chính - ngân hàng chỉ

chiếm khoảng trên dưới 43%. Có tới trên dưới 40% được đào tạo chuyên ngành kỹ thuật (Xem Bảng 5).

Bảng 5: Cơ cấu chuyên ngành đào tạo đến 31/12/2009

Đơn vị tính: %

	Tài chính - ngân hàng	Kinh tế	Đào tạo khác
NHNN	41.0	15.0	44.0
NHTM	43.0	18.0	39.0

Nguồn: Đề tài Khoa Ngân hàng 2009 – 07.

Với thực trạng chất lượng nguồn nhân lực như vậy, sẽ rất khó khăn cho các NHTM mở rộng các loại hình dịch vụ ngân hàng mới, và có thể nói, nếu các NHTM càng mở ra các loại hình dịch vụ mới, thì rủi ro tiềm ẩn càng cao. Đồng thời, một thực trạng cũng phải được nhìn nhận là đa phần các trường đại học tại Việt Nam chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu kinh doanh ngân hàng. Sự yếu kém về kỹ năng tác nghiệp trong kinh doanh ngân hàng là khá phổ biến hiện nay. Trong điều kiện như vậy, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh, không được quản trị đúng mức không có gì là khó hiểu cả. Nghĩa là, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh hiện nay tại hầu hết các NHTM Việt Nam có nguyên nhân từ sự hiểu biết chưa sâu nghề kinh doanh ngân hàng của phần lớn cán bộ, nhân viên trong các NHTM. Sự nhận thức chưa thấu đáo về lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt phần lớn cán bộ lại chưa có nhận thức đúng về vai trò và tác động của kinh doanh ngân hàng đối với các hoạt động kinh tế - xã hội chung, có thể sẽ gây những hậu quả tiêu

cực đối với nền kinh tế - xã hội trên nhiều phương diện.

2. Hệ quả của tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống ngân hàng

2.1. Hệ quả đối với nền kinh tế - xã hội

Như đã đề cập và phân tích, tình trạng cạnh tranh không lành mạnh sẽ khiến cho thị trường tài chính bất ổn, và sự bất ổn của thị trường tài chính sẽ tác động xấu đến sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô, ảnh hưởng đến các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hiệu lực và hiệu quả của các chính sách (nhất là chính sách tiền tệ) trong ngắn hạn và dài hạn bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong bối cảnh nhiều hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng xuất hiện. Những ảnh hưởng không tốt của cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng làm giảm lòng tin của xã hội đối với nhiều chính sách của Nhà nước. Hơn nữa, những biểu hiện trên thị trường ngân hàng Việt Nam trong những

tháng đầu năm 2011 cho thấy dấu hiệu của sự suy giảm chất lượng, trình độ phát triển thị trường.

Thực tế những năm qua tại Việt Nam phản ánh rất rõ thực trạng này:

- Cạnh tranh không lành mạnh giữa các định chế trên thị trường tài chính trong huy động vốn đã đẩy lãi suất huy động vốn không ngừng tăng lên, mặc dù NHNN đã ấn định trần lãi suất huy động không được vượt quá 14%/năm. Các NHTM đã biến tấu theo rất nhiều cách thức khác nhau nhằm tăng lãi suất huy động theo các kỳ hạn, theo hạn mức gửi tiền... Kết quả là lãi suất huy động ở một số NHTMCP xấp xỉ 19%/năm - là mức lãi suất cao nhất của khu vực châu Á. Mức lãi suất này chính là tác nhân cộng hưởng cho tình trạng lạm phát gia tăng tại Việt Nam trong những năm qua và kết quả là lạm phát của Việt Nam thuộc những nước có tỷ lệ lạm phát cao “ngắt ngưỡng” của khu vực châu Á.

Do tăng lãi suất huy động nên lãi suất cho vay ở không ít NHTM đã xấp xỉ 25%/năm. Đây là mức lãi suất vượt quá sức chịu đựng của hầu hết các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Việc tăng lãi suất huy động và cho vay đã làm cho chi phí vốn trên thị trường tài chính lên quá cao và điều này có nghĩa là các NHTM đang làm mất đi vai trò của mình với tư cách là một trung gian tài chính và thông qua đòn bẩy lãi suất để làm tăng hiệu quả sử dụng vốn trong nền kinh tế.

Một vài tháng đầu năm 2012, lãi suất thị trường đang có xu hướng dịu lại dưới các tác động của hiệu ứng chính sách của NHNN cũng như thực tế tỷ lệ lạm phát của Việt Nam những tháng gần đây đang “hạ nhiệt” khá nhanh. Tuy vậy, cũng bởi các NHTM quá “hào hứng” với cuộc chiến tăng lãi suất, nên cái giá phải trả hiện nay là có vẻ tín dụng đang bị ngưng trệ, bởi thực tế hầu hết các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân không thể chịu đựng được mức lãi suất cho vay quá cao do các NHTM ấn định.

- Mặc dù NHNN đã đưa ra tỉ giá giao dịch chính thức và biên độ giao dịch mua bán ngoại tệ cho các TCTD, nhưng hầu như các TCTD không chấp hành các quy định này và thường thông qua các biện pháp như tính phí giao dịch, yêu cầu khách hàng phải mua ngoại tệ trực tiếp trên thị trường sau đó đem gửi vào NHTM mới được thực hiện các giao dịch trong thanh toán quốc tế... Kết quả là mọi rủi ro khách hàng đều tự gánh chịu, đồng thời NHTM cũng tự đánh mất đi vai trò của mình là người “tạo giá sơ cấp” trên thị trường hối đoái. Có thể nói, những năm qua, các NHTM Việt Nam chưa đóng được vai trò là thế lực dẫn dắt thị trường, mà luôn đi sau thị trường tự do và có vẻ như có một số NHTM đang tìm cách trục lợi nhờ cơ chế “2 giá” trên thị trường hối đoái. Điều này đã và đang tiếp tục gây những khó khăn và tổn thất lớn cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu (XNK) và làm mất đi vai trò của tỉ giá với tư

cách một công cụ giúp kích hoạt và điều tiết các hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam.

Khi đề cập đến tỉ giá thị trường, cần hết sức lưu ý đến công tác điều hành chính sách tỉ giá, bởi nếu không sẽ gây khó khăn cho các hoạt động xuất nhập khẩu, qua đó sẽ gián tiếp gây khó khăn cho vấn đề kiểm soát cung cầu thị trường – một nhân tố tiềm ẩn gây bất cập trong cạnh tranh trên thị trường hối đoái giữa các TCTD và gây những rủi ro tỉ giá. Trong điều kiện hội nhập quốc tế, tỉ giá luôn là nhân tố có vai trò và vị trí rất lớn, có thể thúc đẩy nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh tế đối ngoại, nhưng cũng có thể gây hậu quả ngược lại. Thực tế những năm qua tại Việt Nam cho thấy tỉ giá là con ngựa “bất kham”. Những diễn biến phức tạp của tỉ giá đã khiến các hoạt động xuất nhập khẩu bị tác động tiêu cực. Như đã biết, trong hoạt động ngoại thương, tỉ giá là công cụ giúp tăng cường năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất nhập khẩu. Về nguyên lý, khi đồng nội tệ bị mất giá tương đối so với đồng tiền của phía đối tác thương mại, hoạt động xuất khẩu sẽ được khuyến khích còn hoạt động nhập khẩu sẽ bị kìm hãm. Tuy nhiên, trong điều kiện tỉ giá được kiểm soát chặt chẽ theo một biên độ khá hẹp trong những năm qua nhưng lạm phát lại rất cao sẽ dẫn đến hệ quả là VND bị lên giá tương đối, gây khó khăn cho hoạt động ngoại thương theo hướng khuyến khích nhập khẩu. Hệ quả tất yếu là cán cân vãng lai

bị thâm hụt khá triền miên.

Phải nhìn nhận một thực tế là hiện nay cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu vẫn là xuất khẩu thô với các sản phẩm nông nghiệp là chủ yếu. Đặc điểm của loại sản phẩm xuất khẩu này là độ co giãn về giá rất thấp, cho nên Việt Nam không thể và không nên sử dụng công cụ tỉ giá để kích hoạt xuất khẩu. Đối với một số loại sản phẩm xuất khẩu như dệt may, giày da..., do Việt Nam bị khống chế bởi các đối tác từ Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc, nên nếu sử dụng cơ chế tỉ giá để hỗ trợ xuất khẩu thì chỉ có lợi cho phía đối tác. Đa số các sản phẩm xuất khẩu còn lại thuộc các doanh nghiệp FDI nên Việt Nam không nên hỗ trợ xuất khẩu qua cơ chế tỉ giá. Nói như vậy để thấy rằng Việt Nam tuyệt đối không nên đi theo xu thế của cái gọi là “*cuộc chiến tranh tiền tệ*” để phá giá VND. Điều này chỉ gây phương hại đến nền kinh tế và khó khăn cho các NHTM trong hoạt động kinh doanh, vì rủi ro tỉ giá là rất cao.

2.2. Hệ quả đối với các khách hàng của NHTM

Nhìn bên ngoài, nhiều hành vi cạnh tranh không lành mạnh có vẻ như tạo cơ hội tốt hơn cho khách hàng, ví dụ trong những trường hợp “giành giật” khách hàng của các NHTM. Tuy nhiên, những lợi ích đó chỉ là ngắn hạn và không có lợi về dài hạn cho khách hàng. Những hành vi cạnh tranh không lành mạnh nếu tiếp tục sẽ tác động

không tốt đối với khách hàng: họ không có được thông tin đáng tin cậy, họ được hưởng những dịch vụ ngân hàng ít có cải thiện về chất lượng, mối quan hệ gắn bó dài hạn với các NHTM ít được quan tâm và khó thiết lập....

Về nguyên lý, thị trường tài chính có mức độ cạnh tranh cao luôn là cơ hội cho khách hàng của họ - với tư cách là những người hưởng lợi nhờ chi phí giảm. Tuy nhiên, thực tế tại Việt Nam những năm qua lại không cho thấy điều này, thậm chí ngược lại, các khách hàng lại đang phải gánh chịu những chi phí giao dịch ngày càng tăng lên. Các phân tích trên đây đã chỉ ra thực trạng này. Sở dĩ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tại Việt Nam vẫn phải chấp nhận vay vốn với lãi suất cao tại các NHTM vì thực tế họ cũng không có cách nào khác để có thể tiếp cận được nguồn vốn, do thị trường tài chính hoạt động rất kém hiệu quả. Một khi thị trường vốn vẫn là sân chơi của các NHTM, không có gì lạ khi các NHTM tùy tiện tăng lãi suất, và cũng không có gì ngạc nhiên khi việc tăng lãi suất bất chấp các giới hạn qui định của luật pháp, bởi vì tình trạng “nhờn luật” đang diễn ra rất phổ biến và thực tế là, mặc dù hầu hết các NHTM không chấp hành các qui định của pháp luật, nhưng chưa hề có bất cứ NHTM nào bị “tuyệt còi” cả!

Cũng tương tự như trên thị trường tiền gửi và tín dụng, trên thị trường ngoại hối, mặc dù NHNN đã đưa ra nhiều biện pháp

nhằm “quản chế” thị trường này với mục đích bảo vệ sự ổn định của thị trường và phát huy vai trò của công cụ tỉ giá trong điều tiết các hoạt động XNK và từng bước cân bằng tích cực cán cân vãng lai của Việt Nam, song thực tế, tỉ giá chưa bao giờ tuân theo định hướng của NHNN, hay nói cách khác, NHNN có vẻ như chưa thực sự làm chủ được những diễn biến của tỉ giá thị trường. Điều này làm mất tác dụng của công cụ tỉ giá và có vẻ như NHNN càng điều chỉnh tỉ giá thì càng làm lợi cho giới đầu cơ! Các NHTM về nguyên tắc phải là những người “tạo giá sơ cấp”, song thực tế họ chưa bao giờ làm được chức năng này, mà có vẻ còn chạy theo xu hướng của thị trường để trục lợi, chèn ép các doanh nghiệp XNK.

Các NHTM Việt Nam đã bao giờ nghĩ đến vấn đề “đại cục” chưa hay vẫn mãi mê chạy theo lợi nhuận trước mắt mà quên đi vấn đề có tính chiến lược là phải làm sao để có thể trở thành một thế lực dẫn dắt thị trường? Có thể nhìn nhận rằng, các NHTM Việt Nam đang thể hiện vai trò quá mờ nhạt trên thị trường tài chính. Và một khi các NHTM chưa thực sự thể hiện được vai trò, chức trách của một trung gian tài chính quan trọng bậc nhất trên thị trường sẽ luôn đem đến những hệ quả không có lợi đối với các khách hàng nói riêng và nền kinh tế - xã hội nói chung.

2.3. Hệ quả đối với các NHTM

Sự cạnh tranh suy cho cùng là để các NHTM tự khẳng định uy tín, thương hiệu của mình trên thị trường. Kết quả của sự

cạnh tranh được đo lường bằng các chỉ số về thị phần, kết quả kinh doanh,... nhưng để đạt được hiệu quả lâu dài thì uy tín, thương hiệu là nhân tố có tính quyết định. Tuy nhiên, nếu là sự cạnh tranh thiếu lành mạnh, thậm chí bất chấp pháp luật, các kết quả nếu có đạt được cũng chỉ là ngắn hạn, suy cho cùng cũng chỉ là kinh doanh theo kiểu “hót váng” mà thôi. Hậu quả cuối cùng sẽ không chỉ là các khách hàng của NHTM phải gánh chịu, mà gián tiếp tác động đến chính các NHTM. Lý do là: Một khi các doanh nghiệp gặp khó khăn, kinh doanh thua lỗ sẽ tác động đến chất lượng các khoản tín dụng cũng như các khoản NHTM đã thực hiện bảo lãnh. Cũng tương tự như vậy, một khi các khách hàng khó khăn trong tiếp cận vốn ngoại tệ và phải đi mua trực tiếp trên thị trường tự do sẽ tác động xấu tới hiệu quả hoạt động kinh doanh, và điều này lại tác động xấu tới uy tín, thương hiệu của chính các NHTM.

Hiện nay, một số tổ chức xếp hạng tín dụng có uy tín quốc tế đang xếp hạng thụt lùi dần cho các NHTM Việt Nam. Ví dụ:

- Hãng định mức tín nhiệm Moody's Investors Service vừa dự báo triển vọng tín nhiệm mà họ dành cho hệ thống ngân hàng của Việt Nam sẽ ở mức tiêu cực trong 12-18 tháng tới vì những lo ngại về lợi nhuận suy giảm và chất lượng tài sản; Vì hãng này nhận định rằng chất lượng tài sản của các NHTM Việt Nam đang rất xấu và xấu hơn so với những gì đã được công bố chính thức.

- Theo báo cáo của hãng xếp hạng tín dụng Fitch Ratings, tỷ lệ nợ xấu thực sự của hệ thống NHTM Việt Nam có thể cao hơn tới 4 lần so với con số chính thức 3,3% được công bố trước đó. Tổ chức này cũng cảnh báo chất lượng tài sản của các ngân hàng có thể xấu hơn và khả năng hấp thụ các khoản nợ xấu của Chính phủ là không rõ ràng. Các chuyên gia nước ngoài nhận định, hiện tại nợ xấu của các ngân hàng là nguy cơ lớn nhất đối với hệ thống tín dụng. Tới thời điểm hiện tại, Việt Nam còn 6 ngân hàng có tình hình tín dụng yếu kém, chiếm khoảng 6% thị phần toàn hệ thống ngân hàng, nhiều NHTM bị NHNN Việt Nam hạn chế mở rộng tín dụng và đang gặp những khó khăn về thanh khoản do nhiều khoản vay mạo hiểm và các khoản nợ khó thu hồi khá lớn (nhất là những khoản vay liên quan đến lĩnh vực bất động sản).

Tài liệu tham khảo

1. Michael E. Porter: *The competitive advantage of nations*, The Free Press, 1990.
2. Nguyễn Hoài: *Đình đón sản xuất – tháo gỡ làm sao*. www.vneconomy.vn. Ngày 23/8/2011.
3. Nguyễn Hoài: *Bài toán “Lạm phát – lãi suất” luân quần chưa thấy lối ra*. www.vneconomy.vn. Ngày 3/7/2011.
4. Trần Lê Anh: *Bất bình đẳng và bất ổn*. www.vietnamnet.vn. Ngày 3/2/2012
5. Anh Quân: *Giải cứu thị trường bất động sản Việt từ góc nhìn Ireland*. www.vneconomy.vn. Ngày 23/8/2011.